TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** Số 68/2023/QĐST-DS	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** *Huyện G, ngày 30 tháng 06 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án và Danh mục án phí, lệ phí Toà án kèm theo;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 20 tháng 06 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 78/2022/TLST–DS ngày 12/10/2022, về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng,

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn:

Ngân hàng thương mại cổ phần B (B Bank);

Trụ sở chính: Tầng 1 và tầng 5, tòa nhà C, số 16 P, phường P, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của B BANK là:

Ông Lưu Quyết T; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của B BANK là:

Ông Dương Khánh H; chức vụ: Chuyên viên chính – Phòng Xử lý nợ -

Khối QLRR - Ngân hàng TMCP B.

Theo Giấy ủy quyền số 525/2023/UQ-BVB ngày 02/02/2023 của B BANK.

Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1977;
2. Bà Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1981;

Cùng trú tại: Xóm M, thôn PD 1, xã P, huyện G, thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Cụ Nguyễn Thị C, sinh năm 1947;
2. Cháu Nguyễn Hữu N, sinh năm 2006 (là con của ông Đ và bà N);
3. Cháu Nguyễn Đức K, sinh năm 2013 (là con của ông Đ và bà N);

Người đại diện theo pháp luật của cháu Nguyễn Hữu N và cháu Nguyễn Đức K là ông Nguyễn Hữu Đ và bà Nguyễn Thị Thanh N.

4. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1979 (là con của cụ C);
5. Bà Nghiêm Thị T, sinh năm 1984 (là vợ của ông M);
6. Cháu Nguyễn Minh A, sinh năm 2011 (là con của ông M và bà T);
7. Cháu Nguyễn Ngọc A, sinh năm 2016 (là con của ông M và bà T);

Người đại diện theo pháp luật của cháu Nguyễn Minh A và cháu Nguyễn Ngọc A là ông Nguyễn Văn M và bà Nghiêm Thị T.

Cùng trú tại: Xóm M, thôn PD 1, xã P, huyện G, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Hữu Đ, bà Nguyễn Thị Thanh N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cụ Nguyễn Thị C, bà Nghiêm Thị T là ông Nguyễn Văn M.

Theo văn bản ủy quyền ngày 20/06/2023.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Hợp đồng tín dụng (Cho vay từng lần đối với khách hàng cá nhân) số 143/2018/HĐTD2/BVB037 ngày 27/04/2018; Khế ước nhận nợ số 143/2018/KƯNN2/BVB037 ngày 27/04/2018; Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 288/2019/HĐTC/BVB0037 ngày 11/04/2019 và các văn bản kèm theo được giao kết giữa ông Nguyễn Hữu Đ, bà Nguyễn Thị Thanh N với Ngân hàng thương mại cổ phần B, Chi nhánh Hà Nội là hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo yêu cầu về chủ thể tham gia giao kết, có nội dung và hình thức phù hợp quy định pháp luật, nên có hiệu lực pháp luật, có giá trị áp dụng đối với các bên tham gia giao kết.

2.2. Hợp đồng thế chấp tài sản để bảo lãnh cho bên thứ ba vay vốn ngân hàng số công chứng: 0376.2018/HĐTC, quyển số: 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/04/2018 tại Văn phòng công chứng MT và các văn bản kèm theo được giao

kết giữa cụ Nguyễn Thị C với Ngân hàng thương mại cổ phần B, Chi nhánh Hà Nội là hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo yêu cầu về chủ thể tham gia giao kết, có nội dung và hình thức phù hợp quy định pháp luật, nên có hiệu lực pháp luật, có giá trị áp dụng đối với các bên tham gia giao kết.

2.3. Cách tính lãi trong hạn, lãi quá hạn và phạt chậm trả lãi được quy định trong Hợp đồng tín dụng (Cho vay từng lần đối với khách hàng cá nhân) số 143/2018/HĐTD2/BVB037 ngày 27/04/2018, Khế ước nhận nợ số 143/2018/KƯNN2/BVB037 ngày 27/04/2018 và Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 288/2019/HĐTC/BVB0037 ngày 11/04/2019 so với các Quyết định điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần B là đúng theo thỏa thuận mà các bên đã ký kết trong hợp đồng tín dụng và phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật, có giá trị áp dụng bắt buộc đối với các bên tham gia giao kết.

2.4. Các bên xác nhận tạm tính đến hết ngày 05/06/2023, ông Nguyễn Hữu Đ, bà Nguyễn Thị Thanh N còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần B tổng số tiền là 1.421.533.237 đồng, cụ thể: Nợ gốc là 666.415.495 đồng; nợ lãi trong hạn là 111.271.330 đồng; nợ lãi quá hạn là 612.403.808 đồng và phạt chậm trả lãi là 31.442.604 đồng.

2.5. Xác nhận ông Nguyễn Hữu Đ, bà Nguyễn Thị Thanh N có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần B toàn bộ tổng số tiền còn nợ là 1.421.533.237 đồng, cụ thể: Nợ gốc là 666.415.495 đồng; nợ lãi trong hạn là 111.271.330 đồng; nợ lãi quá hạn là 612.403.808 đồng và phạt chậm trả lãi là 31.442.604 đồng.

Kể từ ngày 06/06/2023 cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản nợ, ông Nguyễn Hữu Đ, bà Nguyễn Thị Thanh N còn phải chịu các khoản lãi của số tiền nợ gốc còn phải thanh toán theo mức lãi suất nợ quá hạn và phạt chậm trả lãi mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng (Cho vay từng lần đối với khách hàng cá nhân) số 143/2018/HĐTD2/BVB037 ngày 27/04/2018, Khế ước nhận nợ số 143/2018/KƯNN2/BVB037 ngày 27/04/2018 và Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 288/2019/HĐTC/BVB0037 ngày 11/04/2019. Trường hợp trong các hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ nói trên, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của lãi suất Ngân hàng cho vay.

2.6. Trường hợp ông Nguyễn Hữu Đ, bà Nguyễn Thị Thanh N thanh toán hết khoản nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần B có trách nhiệm trả lại giấy tờ nhà đất thế chấp cho cụ Nguyễn Thị C và làm thủ tục giải chấp ngay.

2.7. Kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến hết tháng 10/2023 mà ông Nguyễn Hữu Đ, bà Nguyễn Thị Thanh N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần B có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho Ngân hàng là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số: 79, tờ bản đồ số: Xóm M 2, tại địa chỉ Xóm M, Thôn PD, xã P, huyện G, thành phố Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở số AĐ 610866, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0049, số quyết định: 1004/QĐ-UB, MS: 10119191040 do UBND huyện G, thành phố Hà Nội cấp ngày 08/11/2006. Ngày 04/12/2007, Văn phòng đăng ký đất và nhà huyện G xác nhận: Bà Nguyễn Thị C nhận thừa kế theo văn bản khai nhận và phân chia di sản thừa kế lập ngày 02/10/2007 tại trụ sở UNBD xã P, huyện G, thành phố Hà Nội. Tài sản đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản để bảo lãnh cho bên thứ ba vay vốn ngân hàng số công chứng: 0376.2018/HĐTC, quyển số: 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/04/2018 giữa Ngân hàng TMCP B, Chi nhánh Hà Nội với bà Nguyễn Thị C lập tại Văn phòng công chứng MT. Tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật. Diện tích đất và công trình xây dựng trên đất được xác định theo số liệu đo đạc thực tế tại thời điểm xử lý tài sản thế chấp.

Trường hợp phải xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ thì các tổ chức, cá nhân đang kinh doanh, sinh sống, sinh hoạt dưới mọi hình thức trên các tài sản thế chấp có nghĩa vụ phải di chuyển đi nơi khác để thi hành án.

Trường hợp sau khi phát mại tài sản thế chấp, số tiền phát mại không đủ thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần B thì ông Nguyễn Hữu Đ, bà Nguyễn Thị Thanh N có nghĩa vụ tiếp tục trả hết số tiền còn nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần B.

Trường hợp số tiền phát mại tài sản thế chấp có giá trị lớn hơn số tiền ông Nguyễn Hữu Đ, bà Nguyễn Thị Thanh N phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần B thì số tiền còn lại sau khi thanh toán khoản nợ được trả cho cụ Nguyễn Thị C.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Hữu Đ, bà Nguyễn Thị Thanh N tự nguyện chịu 27.322.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng thương mại cổ phần B 32.425.186 đồng tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng thương mại cổ phần B đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0073546 ngày 12/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Như Trọng